

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giảm tiếp hơn 7 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,315.49 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 14/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Hóa chất dẫn đầu đà giảm, theo sau là ngành Dịch vụ tài chính,... Ở chiều ngược lại, ngành Dầu khí dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Truyền thông. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Thị trường vẫn tiếp tục giằng co quanh 1,315 và chưa rõ xu hướng, nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 13/06/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-7.50** điểm, đóng cửa tại **1315.49** điểm. HNX-Index **-2.91** điểm, đóng cửa tại **224.82** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **CTG (+1.83)**, **GAS (+0.90)**, **PLX (+0.78)**, **BSR (+0.73)**, **TCB (+0.42)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-1.51)**, **GVR (-1.20)**, **VIC (-1.16)**, **HVN (-1.08)**, **HPG (-0.59)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **26,050** tỷ đồng, tăng **38.73%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 27,212 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 22.5 điểm. Thị trường có **69** mã tăng, 35 mã tham chiếu, **263** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **94.88** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **CTG (131.14 tỷ)**, **NVL (65.91 tỷ)**, **VPB (54.91 tỷ)**, **VHM (53.18 tỷ)**, **MSN (48.42 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-37.07** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.30%**. Các mã diễn biến tích cực:
PVS (+6.75%) [\(Link báo cáo\)](#)
BSR (+5.41%)
CTG (+3.64%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-1.12%**. Các mã diễn biến tích cực:
PLX (+6.95%) [\(Link báo cáo\)](#)
PVD (+5.68%) [\(Link báo cáo\)](#)
GAS (+2.55%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.30%	-1.12%	-0.57%	-0.78%
1 tuần	1.62%	-0.61%	-1.08%	-1.25%
1 tháng	2.32%	3.53%	0.44%	0.24%
3 tháng	-3.17%	-2.68%	-0.80%	1.02%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,315.49	224.82	97.54
% 1D	-0.57%	-1.28%	-0.63%
GTKL (tỷ VND)	26,050	2,756	700
%1D	38.73%	113.09%	29.45%
GDNN (tỷ VND)	94.88	-37.07	25.78

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTG	131.14	VIX	-77.14
NVL	65.91	FPT	-59.77
VPB	54.91	SHB	-55.43
VHM	53.18	FUEFVND	-47.97
MSN	48.42	VND	-47.70

Thị trường thế giới

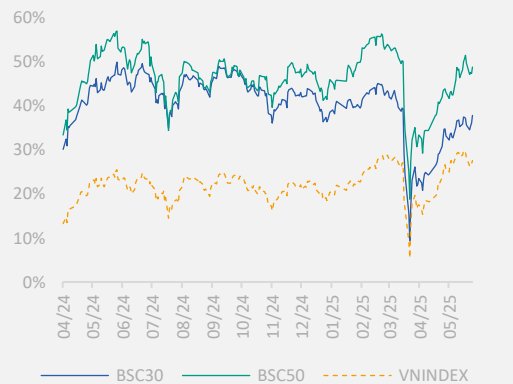
		%D	%W
SPX	6,045	0.38%	1.78%
FTSE100	8,842	-0.49%	0.04%
Eurostoxx	5,290	-1.59%	-2.49%
Shanghai	3,377	-0.75%	-0.25%
Nikkei	37,834	-0.89%	0.21%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	73.98	5.17%
Giá vàng	3,424	0.55%
Tỷ giá		
USD/VND	26,223	0.05%
EUR/VND	30,918	0.35%
JPY/VND	186	0.54%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.3%	0.00%
LS LNH 1M	4.0%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

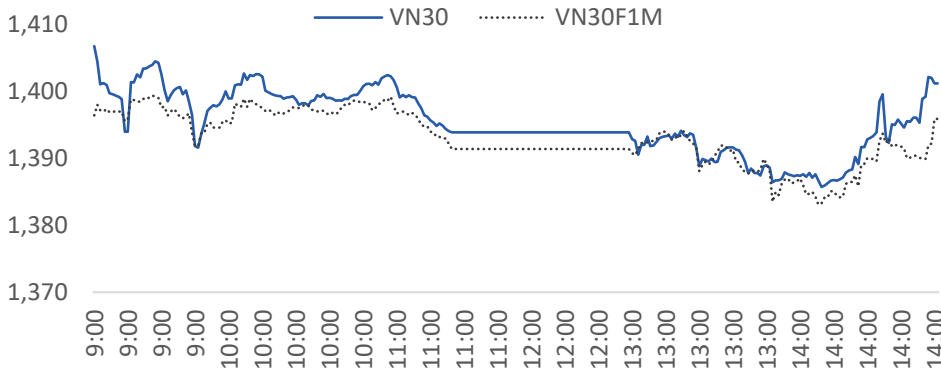
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1389.90	-0.72%	165	73.7%	18/09/2025	97
VN30F2512	1390.00	-0.95%	178	56.1%	18/12/2025	188
4111F7000	1392.90	-1.07%	1,564	-10.7%	17/07/2025	34
VN30F2506	1395.90	-0.94%	262,672	26.9%	19/06/2025	6

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -10.96 điểm, đóng cửa tại 1401.2 điểm. Biên độ dao động 34.65 điểm. Các cổ phiếu như VHM, VIC, HPG, FPT, VRE tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Sức ép từ bên bán khiến VN30 duy trì dưới tham chiếu trong phần lớn thời gian giao dịch, lấn át đà tăng của nhóm cổ phiếu dầu khí. Thanh khoản thị trường tiếp tục tăng và nằm trên đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị leo thang.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 4111F7000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CTPB2501	30/06/2025	17	80,400	-86.45%	1.77	20	100.0%	12.27	1.79	13.20	13.20
CSTB2506	30/06/2025	17	9,100	-75.26%	3.81	3,650	12.7%	20.55	11.11	44.90	44.90
CMBB2506	30/06/2025	17	70,900	-84.02%	2.30	960	10.3%	12.98	3.97	24.85	24.85
CTCB2501	28/07/2025	45	131,400	-68.91%	2.40	3,650	9.0%	14.41	9.70	31.20	31.20
CMBB2501	28/07/2025	45	166,600	-74.30%	2.09	1,650	7.8%	8.74	6.39	24.85	24.85
CTCB2506	23/10/2025	132	17,100	-66.35%	2.50	2,000	7.5%	7.19	10.50	31.20	31.20
CMBB2508	5/08/2025	53	115,400	-80.28%	2.30	1,300	6.6%	11.28	4.90	24.85	24.85
CMBB2407	4/11/2025	144	1,406,200	137667.77%	2.60	1,970	4.8%	0.00	34,235.29	24.85	24.85
CTCB2403	4/11/2025	144	1,159,600	-70.03%	2.60	1,350	4.7%	5.73	9.35	31.20	31.20
CMBB2503	27/10/2025	136	180,900	-76.43%	2.26	2,070	4.5%	13.02	5.86	24.85	24.85
CSHB2502	21/07/2025	38	114,100	-76.35%	1.24	940	4.4%	6.05	3.05	12.90	12.90
CMBB2405	28/07/2025	45	4,820,600	-79.19%	2.60	740	4.2%	6.41	5.17	24.85	24.85
CTCB2503	27/10/2025	136	799,700	-70.51%	2.60	3,300	3.8%	14.32	9.20	31.20	31.20
CTCB2406	30/06/2025	17	62,300	-79.49%	2.80	720	2.9%	5.68	6.40	31.20	31.20
CFPT2404	4/11/2025	144	43,700	-78.47%	12.02	1,090	2.8%	8.80	24.85	115.40	115.40
CMBB2505	9/04/2026	300	40,900	-68.13%	2.28	1,880	2.7%	7.55	7.92	24.85	24.85
CMBB2504	26/03/2026	286	125,400	-73.01%	2.35	2,510	2.4%	13.00	6.71	24.85	24.85
CMSN2503	27/10/2025	136	291,200	-81.88%	7.50	870	2.4%	11.61	11.85	65.40	65.40
CMBB2507	5/02/2026	237	653,800	-75.29%	2.40	1,870	2.2%	11.26	6.14	24.85	24.85
CVPB2409	4/11/2025	144	437,600	-82.62%	2.20	490	2.1%	8.21	3.15	18.15	18.15

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 13/06/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.
- CTPB2501 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 100.00%. CMBB2405 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.74%.
- CMBB2407, CVIC2405, CVIC2502, CVIC2503, CVHM2408 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2504, CVIC2503, CFPT2402, CVRE2504, CSTB2504 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
CTG	39.90	3.64%	0.73
TCB	31.20	0.81%	0.73
PLX	37.70	6.95%	0.49
MBB	24.85	0.61%	0.32
GAS	64.40	2.55%	0.28

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VHM	68.40	-2.29%	-2.28
VIC	85.50	-1.50%	-2.08
HPG	26.40	-1.49%	-2.01
FPT	115.40	-1.37%	-1.80
VRE	24.55	-2.58%	-0.85

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTG	39.90	3.64%	1.83	5.37
GAS	64.40	2.55%	0.90	2.34
PLX	37.70	6.95%	0.78	1.27
BSR	18.50	5.41%	0.73	3.10
TCB	31.20	0.81%	0.42	7.06

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	34.80	6.75%	0.72	0.48
KSV	171.00	2.21%	0.49	0.20
DTK	12.30	2.50%	0.14	0.68
NTP	74.90	1.90%	0.13	0.14
PVC	11.00	10.00%	0.06	0.08

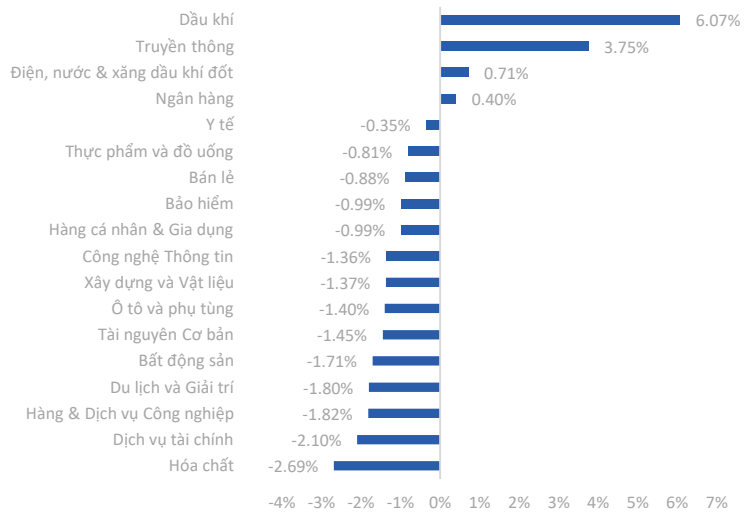
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PLX	37.70	6.95%	0.78	5.45
PIT	7.12	6.91%	0.00	0.03
PVD	20.45	5.68%	0.15	22.47
SC5	16.80	5.66%	0.00	0.01
BSR	18.50	5.41%	0.72	11.03

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PRC	22.10	9.95%	0.03	0.04
TMC	8.20	9.33%	0.04	0.00
BPC	10.60	9.28%	0.01	0.00
PTD	7.30	8.96%	0.01	0.00
SHN	6.50	8.33%	0.26	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	68.40	-2.29%	-1.51	4.11
GVR	27.20	-4.73%	-1.20	4.00
VIC	85.50	-1.50%	-1.16	3.88
HVN	38.10	-5.46%	-1.08	2.21
HPG	26.40	-1.49%	-0.59	6.40

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	12.80	-3.76%	-0.28	0.89
HUT	13.00	-3.70%	-0.28	0.89
CEO	17.40	-3.87%	-0.23	0.54
MBS	26.40	-2.22%	-0.22	0.57
THD	28.00	-2.78%	-0.19	0.38

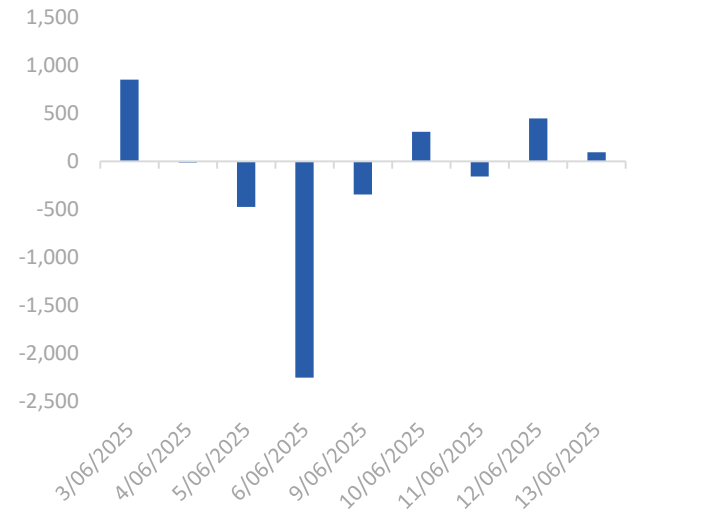
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PMG	9.05	-6.99%	-0.01	0.00
L10	22.15	-6.93%	0.00	0.00
PTL	2.72	-6.85%	0.00	0.28
DXV	3.82	-6.83%	0.00	0.05
CCL	6.70	-6.69%	-0.01	1.25

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DNP	19.30	-9.81%	-0.99	1.64
MAS	33.40	-9.73%	-0.05	0.00
HEV	13.20	-9.59%	0.00	0.00
MAC	20.00	-9.09%	-0.15	0.01
VE3	7.00	-9.09%	0.00	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	63.2	-0.5%	1.5	93,912	584.7	2,979	21.3		47.9%	
KBC	Bất động sản	24.4	-3.6%	1.5	19,420	174.1	1,629	15.5		17.7%	
KDH	Bất động sản	29.3	-1.5%	1.2	30,031	96.8	896	33.1		35.6%	
PDR	Bất động sản	16.8	-3.7%	1.6	15,786	269.5	180	96.8	23,600	9.7%	Link
VHM	Bất động sản	68.4	-2.3%	1.1	287,519	372.8	7,766	9.0	81,300	10.7%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	115.4	-1.4%	1.0	173,316	711.5	5,614	20.8	136,500	40.9%	Link
BSR	Dầu khí	18.5	5.4%	0.0	54,414	202.9	(37)	-477.4		0.2%	
PVS	Dầu khí	34.8	6.8%	1.3	15,582	586.2	2,303	14.2	38,600	14.6%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.2	-1.8%	1.5	18,467	331.2	1,394	18.4		37.9%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.2	-2.1%	1.3	46,635	815.5	1,545	15.3		34.3%	
VCI	Dịch vụ tài chính	35.4	-2.2%	1.3	25,959	264.9	1,602	22.6		29.2%	
DCM	Hóa chất	34.1	-0.3%	1.3	18,105	169.1	2,805	12.2	37,800	5.0%	Link
DGC	Hóa chất	92.7	-0.2%	1.5	35,281	303.1	8,224	11.3	109,300	14.7%	Link
ACB	Ngân hàng	21.1	0.0%	0.9	108,127	232.0	3,224	6.5	30,400	29.9%	Link
BID	Ngân hàng	35.6	0.7%	1.0	247,854	225.3	3,643	9.7	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	39.9	3.6%	1.0	206,745	948.8	4,806	8.0	50,000	26.9%	Link
HDB	Ngân hàng	21.6	-0.7%	1.0	76,018	267.5	3,985	5.5	26,400	16.7%	Link
MBB	Ngân hàng	24.9	0.6%	1.0	150,726	1234.1	4,049	6.1	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	12.0	0.4%	1.1	30,940	257.3	2,150	5.5	14,000	27.6%	Link
STB	Ngân hàng	44.9	-0.2%	0.9	84,835	617.9	5,767	7.8		20.5%	
TCB	Ngân hàng	31.2	0.8%	1.2	218,657	940.7	3,013	10.3	33,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.2	-0.8%	1.2	35,138	202.6	2,383	5.6	-	22.9%	Link
VCB	Ngân hàng	56.2	0.4%	0.6	467,918	305.4	4,063	13.8	69,200	22.1%	Link
VIB	Ngân hàng	17.9	-0.6%	0.9	53,624	130.5	2,400	7.5	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	18.2	-0.3%	1.0	144,397	647.9	2,030	9.0	24,000	24.5%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.4	-1.5%	1.1	171,420	1026.9	1,954	13.7	35,800	21.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.3	-2.1%	1.4	10,339	92.8	749	22.2	16,800	8.9%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	30.4	-0.8%	1.6	10,241	376.8	3,930	7.8	32,200	3.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	65.4	-0.6%	1.2	94,644	383.7	1,518	43.3	82,500	24.8%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	55.5	-0.7%	0.5	116,829	196.5	4,194	13.3		48.4%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	40.3	0.00%	1.6	8,832	193.2	2,098	19.2	21.4%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	171.1	-2.78%	1.2	23,979	98.5	3,279	53.7	32.7%	24.0%	
BVH	Bảo hiểm	49.3	-1.00%	1.2	36,968	14.1	2,975	16.7	27.2%	9.7%	
DIG	Bất động sản	16.8	-5.90%	1.5	11,506	610.9	303	58.7	3.7%	2.5%	
DXG	Bất động sản	15.8	-0.63%	1.5	16,149	381.8	310	51.2	23.8%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	24.5	-3.16%	1.3	4,512	207.7	443	57.2	3.0%	3.4%	
HDG	Bất động sản	24.4	-0.04%	1.4	9,031	96.7	839	32.0	20.1%	4.6%	Link
IDC	Bất động sản	40.3	-1.23%	1.4	13,464	80.2	4,982	8.2	17.3%	31.2%	
NLG	Bất động sản	37.5	-1.45%	1.5	14,633	180.3	1,827	20.8	45.8%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	64.4	-1.08%	0.0	13,706	21.0	6,076	10.7	4.6%	29.7%	
SZC	Bất động sản	32.5	-2.84%	1.3	6,021	82.4	2,036	16.4	2.2%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	19.1	-4.27%	1.5	13,297	275.6	1,279	15.6	9.9%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	85.5	-1.50%	1.3	331,894	417.5	2,823	30.8	7.7%	8.0%	
VRE	Bất động sản	24.6	-2.58%	1.0	57,262	197.6	1,844	13.7	18.2%	10.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	35.1	-1.27%	1.1	7,501	50.2	1,654	21.5	36.3%	12.5%	
PLX	Dầu khí	37.7	6.95%	0.9	44,788	202.0	1,535	23.0	17.2%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	20.5	5.68%	1.1	10,756	455.8	1,246	15.5	4.8%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	35.6	-2.87%	1.7	12,316	194.8	1,650	22.2	27.6%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.4	-2.22%	1.7	15,465	179.3	1,650	16.4	6.8%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	64.4	2.55%	0.9	147,120	239.6	4,543	13.8	1.8%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.8	-1.92%	1.0	30,561	148.6	546	23.9	3.5%	4.0%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67.0	-0.74%	1.0	36,562	45.1	3,922	17.2	49.0%	11.4%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	88.0	-1.01%	0.5	48,149	221.3	2,783	31.9	12.1%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	33.9	-1.74%	1.5	31,133	325.4	1,954	17.7	9.1%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.6	-1.59%	1.0	23,741	112.9	3,797	14.9	40.1%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69.9	0.58%	1.3	9,028	240.3	5,594	12.4	6.6%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23.8	2.15%	1.2	8,295	182.5	3,026	7.7	10.2%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	118.0	-4.07%	0.0	14,979	207.1	3,235	38.0	6.1%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	78.0	-0.38%	1.1	26,458	76.0	6,105	12.8	48.7%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.8	-2.21%	0.8	3,300	66.4	2,608	11.3	50.0%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.4	-1.08%	1.4	2,280	20.7	2,580	7.2	16.2%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	35.6	1.42%	1.2	13,736	256.6	1,223	28.7	7.1%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	27.2	-4.73%	1.6	114,200	162.3	1,174	24.3	0.9%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	22.7	-1.95%	1.1	43,029	350.4	1,856	12.4	5.3%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	31.6	-0.16%	0.5	94,547	97.9	3,333	9.5	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	16.4	-0.61%	0.0	22,647	17.4	2,809	5.9	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	11.3	-1.31%	1.0	28,233	84.5	1,189	9.6	19.5%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	13.0	-2.26%	1.4	5,953	116.9	1,122	11.9	5.0%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	16.1	-1.53%	1.6	4,340	19.4	612	26.6	1.1%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.1	-0.85%	0.7	10,747	113.7	1,408	25.1	2.3%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.1	-0.71%	1.2	63,423	50.7	3,217	15.4	59.0%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	53.7	-0.74%	1.3	12,143	72.9	5,567	9.7	22.0%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	136.5	0.00%	1.1	11,174	13.8	13,288	10.3	85.5%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	80.2	-1.11%	1.5	8,104	100.9	3,238	25.0	48.5%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	96.5	0.52%	1.3	10,981	102.2	4,754	20.2	9.1%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	41.5	-0.36%	1.4	4,198	60.9	2,336	17.8	8.7%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.1	-2.03%	1.5	5,827	127.0	1,092	11.3	10.0%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.9	-3.10%	1.3	8,083	76.9	1,237	18.3	16.8%	8.1%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	19.7	-1.75%	1.4	12,962	214.2	915	21.9	6.9%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	43.4	-3.12%	1.5	20,086	28.1	2,720	16.5	5.6%	14.6%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
2	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
7	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
8	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
9	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
21	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức	x		Click
22	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q1.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>